

ẢNH HƯỞNG CỦA HỘI GIÁO ĐỐI VỚI VĂN HÓA TRUNG QUỐC

Hội giáo bắt đầu truyền nhập vào Trung Quốc từ thời Đường (618-907). Vấn đề này được các học giả Trung Quốc tương đối nhất trí, song giữa họ vẫn tồn tại những giả thuyết khác nhau về thời điểm cụ thể. Có thuyết cho rằng, vào năm Vĩnh Huy thứ 2 đời vua Đường Cao Tông (năm 651), Muhammad phái sứ giả đến Trường An triều kiến Hoàng đế Trung Hoa, nhằm giới thiệu tình hình đế quốc Arabs và giáo nghĩa Hồi giáo. Nói chung, nhiều học giả Trung Quốc coi sự kiện trên là thời điểm Hồi giáo truyền vào Trung Quốc. Cũng có thuyết cho rằng, ngay từ đời Đường Thái Tông đã có 4 môn đồ của Muhammad đến Trung Hoa truyền giáo. Trong số đó, có một người Quảng Châu, một người ở Dương Châu và hai người ở Tuyên Châu. Lại có thuyết khẳng định, phải đến năm Chí Đức thứ 2 đời vua Đường Túc Tông (năm 757), sau khi “Loạn An Sử”⁽¹⁾ bị dẹp, Hồi giáo mới xuất hiện ở Trung Quốc.

Cuối đời Đường, sang thời Tống (960-1279), thương nhân Arabs đến Trung Quốc ngày một đông. Trong quá trình giao lưu mậu dịch và văn hoá Đông – Tây, họ đã có tác dụng cầu nối vô cùng quan trọng. Nhiều người trong số họ trở thành dân ngụ cư lâu dài tại kinh thành và một số thành thị ven biển ở Trung Quốc. Do tín ngưỡng Hồi giáo phải thường xuyên làm lễ, nên họ sống tương đối tập trung, hình thành nên những khu vực gọi là “Phiên phường” (Khu người nước ngoài sinh sống). Tại đó, họ xây nhà thờ, nghĩa trang công cộng. Những người này thường sống ở Trung Quốc lâu dài, hậu duệ của họ đương nhiên trở thành những Muslim trên đất Trung Hoa. Đến thế kỷ thứ XIII, Thành Cát Tư Hãn đem quân Tây tiến, giáo đồ Hồi giáo ở Tây vực và một bộ phận người Ba Tư (Iranians), Arabs buộc phải chạy sang phía Đông, vào

nội địa Trung Quốc. Phần lớn trong số họ trở thành binh lính trong quân đội triều Nguyên, thời chiến ra trận, thời bình khai khẩn đồn điền. Sau này, họ định cư ở Trung Quốc, kết hôn và sinh con đẻ cái với người địa phương, nhân khẩu cứ thế dần tăng theo năm tháng, cuối cùng hình thành dân tộc Hồi mà sử sách gọi là “Hồi Hồi”. Thời kỳ đầu, địa bàn sinh sống của họ phân bố chủ yếu ở dải hành lang tỉnh Hà Tây và các tỉnh Hà Nam- Sơn đông – Thiểm Tây và Vân Nam. Khi đó, họ còn giữ tên họ vốn có của dân tộc mình, về sau mới lần lượt đổi sang tên họ của người Hán. Ví như đầu thời Nguyên, có một người tên là A Lão Đình gốc Ba Tư, nhưng sinh ra ở Trung Quốc và theo Hồi giáo. Do buôn bán giàu có, ông ta cùng người em bỏ tiền giúp Hốt Tất Liệt chinh phục phía Tây, sau đó được triều Nguyên ban thưởng nhà cửa, ruộng vườn ở kinh thành. Đời con và cháu ông ta vẫn giữ tên họ Ba tư, như chẳng hạn là Gia Niêm Tư Đình, Chúc Mã Lộc Đình... Đến đời cháu ông ta thì đổi sang tên họ tộc Hán. Trong số đó, có Đình Hạc Niêm là nhà thơ dân tộc Hồi rất nổi tiếng triều Nguyên. Đối với Hồi giáo và những nhân vật cao cấp của tôn giáo này, giai tầng thống trị triều Nguyên khá coi trọng. Đã có không ít Muslim trở thành quan chức trong chính phủ triều Nguyên. Vương triều này còn xây dựng quốc tử học dành riêng cho con em dân tộc Hồi (Hồi Hồi quốc tử học). Ở các địa phương, nhà nước còn cho phép họ xây dựng nhà thờ Hồi giáo để giáo đồ có nơi hành lễ. Do những chủ trương trên mà đến nay, trong sử sách còn thấy ghi: “Thời Nguyên, người Hồi có ở khắp nơi” (Nguyên thời Hồi Hồi biến thiên hạ). Đến đầu thời Minh, đã hình thành khối cộng đồng dân tộc Hồi, và Hồi giáo chính là tín ngưỡng của khối cộng đồng

dân tộc này, có cơ sở xã hội rộng rãi và là một bộ phận không thể tách rời trong tín ngưỡng tôn giáo nói chung ở Trung Quốc.

Quy mô truyền bá Hồi giáo ở Trung Quốc, tuy không sâu- rộng như Phật giáo, nhưng cũng đã xuất hiện những ảnh hưởng đáng kể đối với nền văn hoá Trung Hoa. *Trước hết*, việc truyền bá Hồi giáo đã ảnh hưởng đến thành phần dân tộc ở Trung Quốc, thúc đẩy sự hình thành dân tộc Hồi và sự dung hợp giữa các dân tộc. Đến nay ở Trung Quốc, tộc Hồi có hơn 7 triệu người, chiếm vị trí thứ ba trong cộng đồng các dân tộc Trung Hoa, chỉ sau tộc Hán và tộc Mông Cổ. Địa bàn cư trú của họ rất rộng, song phân bố chủ yếu tại các tỉnh thành: Ninh Hạ- Cam Túc- Hà Nam- Tân Cương- Thanh Hải- Vân Nam- Hà Bắc- Sơn Đông- An Huy – Liêu Ninh- Bắc Kinh- Nội Mông Cổ - Thiên Tân- Hắc Long Giang- Thiểm Tây- Cát Lâm- Giang Tô và Quý Châu. Sống xen lẫn với người Hán, họ sử dụng Hán ngữ, có quan hệ cực kỳ mật thiết với văn hoá Hán, nhưng vẫn bảo lưu được rất nhiều tập tục của Hồi giáo. Đồng thời, quá trình phổ biến tín ngưỡng Hồi giáo cũng làm xuất hiện những mối liên hệ văn hoá nhất định với một số dân tộc thiểu số khác theo đạo Hồi, từ đó dẫn đến những tác dụng đặc thù trong khối đại đoàn kết giữa các dân tộc trên phạm vi cả nước. Nhiều người trong số họ đã có những cống hiến xuất sắc đối với sự phát triển của dân tộc Trung Hoa trong lịch sử. Trịnh Hoà- nhà hàng hải vĩ đại triều Minh chính là người tộc Hồi tỉnh Vân Nam; *Thứ hai*, cùng với thời gian cư trú lâu dài của người Arabs và việc truyền nhập Hồi giáo, văn hoá Arabs cũng du nhập Trung Quốc, trong đó, một số lĩnh vực như Thiên văn, Lịch pháp, Số học, Y học đã có ảnh hưởng rất quan trọng đối với nền khoa học kỹ thuật Trung Quốc. Lịch Hồi từng được sử dụng ở Trung Quốc trong suốt hơn 400 năm, từ thời Nguyên đến đầu đời Thanh. Đây là một loại Dương lịch ở khu vực

Arabs, được nông dân sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Kể từ triều Nguyên, loại lịch này có tác dụng rất quan trọng đối với việc cải cách lịch pháp Trung Quốc. Lại như chữ số Arabs mà người trung quốc sử dụng trong khi viết và tính toán hiện nay- so với chữ số của người Trung Quốc xưa- rõ ràng là thuận lợi hơn rất nhiều. *Thứ ba*, Hồi giáo truyền bá ở Trung Quốc đã góp phần thúc đẩy giao lưu văn hoá giữa phương Đông và phương Tây. Khu vực Arabs ở giữa hai đại lục Âu- Á, là cầu nối trong quá trình giao lưu văn hoá và mậu dịch giữa hai châu lục. Nghề làm giấy, thuật luyện đan, kim chỉ nam, kỹ thuật in và thuốc súng- những phát minh và sáng tạo của người Trung Quốc- đều đã trước tiên được thương nhân Arabs đem về nước, sau đó mới truyền sang châu Âu. Những hoạt động giao lưu này, tuy đều do thương nhân tiến hành, song rõ ràng nó có liên quan với việc truyền bá Hồi giáo. Kết quả của quá trình giao lưu văn hoá này đã góp phần mở rộng ảnh hưởng đối ngoại của văn hoá Hán, đồng thời cũng làm phong phú thêm nội hàm lịch sử của nền văn hoá này.

HƯƠNG THẢO (biên khảo)

CHÚ THÍCH:

1. Loạn An Sử (An Sử chi loạn): Chỉ cuộc biến binh biến phản lại triều Đường của An Lộc Sơn và Sử Tư Minh năm 755. Sau cuộc binh biến này, triều Đường bắt đầu bước vào thời kỳ suy thoái sau ngót 140 năm thịnh trị. Xem *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, tr.243.

SÁCH THAM KHẢO

1. *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1989
2. *Trung Quốc văn hoá yếu lược*, Bắc Kinh, Nhân dân xuất bản xã, 1994
3. *Từ Hải*, Đài Loan Đông Hoa thư cục cổ phần hữu hạn công ty, 1992.
4. *Tân Hoa tự điển*, Bắc Kinh, 2000